Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên
Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh
Giờ ký: 23/12/2021 17:41:17

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 154/2021/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 942/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020 và Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toản

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên năm 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 154/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên áp dụng cho năm ngân sách 2022.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản về chế độ tài chính của Nhà nước hiện hành.

2. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Phù hợp với quy định phân cấp của Luật NSNN và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện nhiệm vụ chi đã phân cấp; khuyến khích các cấp tăng quản lý thu, chống thất thu.

3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành của các cấp ngân sách địa phương, đồng thời đảm bảo sự chỉ đạo tập trung của cấp tỉnh, cấp huyện; đảm bảo sự giám sát của các cấp, các ngành theo quy định.

Điều 3. Mục đích phân cấp

1. Là cơ sở, căn cứ pháp lý để phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Phân cấp ngân sách nhằm khai thác tối đa các khoản thu ngân sách; gắn quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý và khai thác các nguồn thu.

3. Nâng cao tính chủ động của từng cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, tăng khả năng tự cân đối, phấn đấu giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả.

4. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách một cách đồng bộ, toàn diện; góp phần thực hiện công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp, các ngành.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã được hưởng 100%

1. Ngân sách cấp tỉnh

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp tỉnh quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phần địa phương được hưởng theo phân cấp);

b) Lệ phí môn bài của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp tỉnh quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh xử lý;

d) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý;

đ) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

e) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các cơ sở kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

g) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách cấp tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

h) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

i) Thu thuế tài nguyên do cấp tỉnh quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;

k) Các khoản lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu không kể lệ phí trước bạ;

l) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp tỉnh quản lý;

m) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

n) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

o) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

p) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;

r) Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

s) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;

t) Thu chuyển nguồn ngân sách của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện)

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp huyện quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phần địa phương được hưởng theo phân cấp);

b) Lệ phí môn bài của doanh nghiệp ngoài quốc doanh;

c) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp huyện quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện xử lý;

d) Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp huyện quản lý;

đ) Thu thuế tài nguyên do cấp huyện quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;

e) Các khoản lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện thu không kể lệ phí trước bạ;

g) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp huyện quản lý;

h) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

i) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện;

m) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

n) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

o) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp huyện năm trước sang ngân sách cấp huyện năm sau;

3. Ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã)

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt do cấp xã quản lý, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu (phần địa phương được hưởng theo phân cấp);

b) Lệ phí môn bài của các hộ kinh doanh cá thể;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

d) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp xã quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý;

đ) Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;

e) Thu thuế tài nguyên do cấp xã quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu, khí;

g) Các khoản lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện thu theo quy định không kể lệ phí trước bạ;

h) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp xã quản lý;

i) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

k) Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

l) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

m) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách xã theo chế độ quy định;

o) Thu kết dư ngân sách xã năm trước;

p) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

q) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã từ năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã

1. Thuế giá trị gia tăng;

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp;

3. Thuế thu nhập cá nhân;

4. Tiền sử dụng đất;

5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

6. Tiền thuê mặt đất, mặt nước;

7. Lệ phí trước bạ;

8. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần địa phương được hưởng theo phân cấp;

9. Thuế bảo vệ môi trường;

10. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần địa phương được hưởng theo phân cấp.

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
1. Thuế thu nhập cá nhân					
1.1. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và chuyển nhượng vốn, bản quyền, khác					
- Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%	2%	98%		
- Đối tượng do cấp huyện quản lý	100%	2%	85%	13%	
1.2. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản					
- Trên địa bàn huyện Văn Giang	100%	2%		78%	20%
- Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố còn lại	100%	2%		58%	40%
1.3. Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân	100%	2%		48%	50%

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp					
2.1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành)	100%	2%	98%		
2.2. Thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành đóng trên địa bàn nộp thuế TNDN tại địa phương theo quy định của pháp luật	100%	2%	98%		
2.3. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh					
- Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%	2%	88%	10%	
- Đối tượng do cấp huyện quản lý	100%	2%	48%	50%	
3. Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước					
3.1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%	2%	98%		
3.2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh					
- Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%	2%	88%	10%	
- Đối tượng do cấp huyện quản lý	100%	2%	48%	50%	
3.3. Hộ kinh doanh cá thể, HTX, tổ hợp tác					
- Trên địa bàn huyện Văn Lâm, Yên Mỹ	100%	2%		78%	20%
- Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố còn lại	100%	2%		58%	40%
3.4. Thu từ DN, tổ chức, cá nhân tỉnh ngoài hoạt động xây dựng vãng lai trên địa bàn huyện, thành phố	100%	2%		70%	28%
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	**100%**				**100%**
5. Thu tiền sử dụng đất					
5.1. Dự án do cấp tỉnh thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích) (*); trong đó:					
- Dự án thuộc Khu Đại học Phố Hiến	100%		100%		
- Dự án trên địa bàn các xã, phường thuộc thị xã Mỹ Hào và thành phố	100%		30%	50%	20%

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
Hưng Yên					
- Dự án trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại	100%		80%	10%	10%
5.2. Dự án do cấp huyện, thành phố thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)	100%		10%	80%	10%
5.3. Dự án do xã, thị trấn thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)					
- Dự án trên địa bàn xã, thị trấn thuộc thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào, huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ	100%			30%	70%
- Dự án trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại	100%		10%	20%	70%
5.4. Dự án do phường thực hiện (bao gồm cả đất chuyển đổi mục đích)	100%			60%	40%
5.5. Cấp nào thực hiện GPMB, xây dựng CSHT đối với khu đất đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở thì cấp đó được điều tiết 100% tiền sử dụng đất tương ứng kinh phí GPMB và kinh phí xây dựng CSHT; - Cấp nào thực hiện GPMB đối với dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp đó được hưởng điều tiết 100% tiền sử dụng đất tương ứng kinh phí GPMB.					
5.6. Đất dôi dư, xen kẹp					
- Trên địa bàn huyện	100%				100%
- Trên địa bàn thị xã Mỹ Hào, thành phố Hưng Yên					
+ Xã	100%				100%
+ Phường	100%			70%	30%
5.7. Đất ở được giao không đúng thẩm quyền hoặc do lấn chiếm nay đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	100%			30%	70%
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
6.1. Đối với hộ gia đình, cá nhân					
- Trên địa bàn thị xã Mỹ Hào, thành phố Hưng Yên	100%			20%	80%
- Trên địa bàn huyện	100%				100%

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
6.2. Đối với các tổ chức	100%				100%
7. Thuế tài nguyên	100%				
7.1. Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%		100%		
7.2. Đối tượng do cấp huyện quản lý	100%			100%	
7.3. Đối tượng do cấp xã quản lý	100%				100%
8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		100%		
9. Thuế tiêu thụ đặc biệt					
9.1. Đối tượng do cấp tỉnh quản lý	100%	2%	98%		
9.2. Đối tượng do cấp huyện quản lý	100%	2%		98%	
9.3. Đối tượng do cấp xã quản lý	100%	2%			98%
10. Lệ phí môn bài					
10.1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%		100%		
10.2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	100%			100%	
10.3. Hộ kinh doanh cá thể	100%				100%
11. Thuế bảo vệ môi trường					
11.1. Đối với hàng hóa nhập khẩu (điều tiết TW 100%)	100%	100%			
11.2. Đối với mặt hàng xăng, dầu sản xuất trong nước	100%	2%	98%		
11.3. Đối với các nhóm mặt hàng khác					
- Các DNNN, DN có vốn ĐTNN	100%	2%	98%		
- Các DN NQD cấp tỉnh quản lý	100%	2%	88%	10%	
- Các DN NQD do cấp huyện quản lý	100%	2%	48%	50%	
12. Lệ phí trước bạ					
12.1. Lệ phí trước bạ nhà đất	100%			50%	50%
12.2. Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy					
- Trên địa bàn thị xã Mỹ Hào, thành phố Hưng Yên	*100%*		*30%*	*70%*	
- Trên địa bàn các huyện còn lại	*100%*		*50%*	*50%*	
12.3. Lệ phí trước bạ tài sản khác	100%			100%	
13. Phí và lệ phí (không kể mục 12)					
13.1. Do cấp Trung ương quản lý (điều	100%	100			

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
tiết TW 100%)		%			
13.2. Do cấp tỉnh quản lý	100%		100%		
13.3. Do cấp huyện quản lý	100%			100%	
13.4. Do cấp xã quản lý	100%				100%
14. Thu tiền bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức do nhà nước làm chủ sở hữu trước khi cổ phần hóa, sắp xếp lại					
14.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%		100%		
14.2. Do cấp huyện quản lý	100%			100%	
14.3. Do cấp xã quản lý	100%				100%
15. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
15.1. Trên địa bàn thị xã Mỹ Hào, thành phố Hưng Yên	100%		30%	50%	20%
15.2. Trên địa bàn các huyện còn lại	100%		40%	40%	20%
15.3. Cấp nào thực hiện GPMB đối với dự án cho thuê đất, thuê mặt nước, cấp đó được hưởng điều tiết 100% tiền thuê đất, thuê mặt nước tương ứng kinh phí GPMB.					
16. Thu hồi vốn của nhà nước đầu tư tại các cơ sở kinh tế và các công ty cổ phần, công ty TNHH 2 thành viên trở lên và các doanh nghiệp	100%		100%		
17. Thu hoa lợi công sản	100%				100%
18. Thu đền bù thiệt hại đất					
18.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%		100%		
18.2. Do cấp huyện quản lý	100%			100%	
18.3. Do cấp xã quản lý	100%				100%
19. Thu tiền phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác					
19.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%		100%		
19.2. Do cấp huyện quản lý	100%			100%	
19.3. Do cấp xã quản lý	100%				100%

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
20. Các khoản huy động không hoàn trả và đóng góp của các tổ chức, cá nhân					
20.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%		100%		
20.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
20.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%
21. Thu chuyển nguồn ngân sách					
21.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%		100%		
21.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
21.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%
22. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
22.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%		100%		
22.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
22.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%
23. Thu bổ sung từ quỹ dự trữ tài chính	100%		100%		
24. Thu từ kết dư ngân sách năm trước					
24.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%		100%		
24.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
24.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%
25. Các khoản thu khác (không bao gồm chậm nộp tiền thuế)					
25.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh (Bao gồm Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa)	100%		100%		
25.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
25.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%
26. Thu viện trợ không hoàn lại					
26.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%		100%		
26.2. Thuộc ngân sách cấp huyện	100%			100%	
26.3. Thuộc ngân sách cấp xã	100%				100%

Khoản thu	NSNN	Trong đó			
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3	4	5	6
27. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước					
27.1 Giấy phép do cơ quan Trung ương cấp (Điều tiết TW 70%)	100%	70%	30%		
27.2 Giấy phép do địa phương cấp (30% điều tiết cho ngân sách huyện nơi có khoáng sản, tài nguyên nước khai thác)	100%		70%	30%	

(*) Đối với các dự án do cấp tỉnh thực hiện, bên cạnh việc áp dụng theo tỷ lệ đã quy định trong năm 2022, thì ngân sách cấp huyện, cấp xã (nơi có dự án) được hưởng đối với các dự án đó là:

- Ngân sách cấp huyện

+ Thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào, huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ: không quá 1.000 tỷ đồng/dự án/huyện/năm.

+ Các huyện còn lại: không quá 600 tỷ đồng/dự án/huyện/năm.

- Ngân sách cấp xã: không quá 200 tỷ đồng/dự án/xã/năm.

Khi số thu tiền sử dụng đất của các dự án do cấp tỉnh thực hiện đã điều tiết cho huyện, xã trong năm mà vượt mức tối đa được hưởng trên, thì mức vượt đó sẽ được điều tiết 100% về ngân sách cấp tỉnh để điều hành chung toàn tỉnh.

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: đầu tư cho các dự án, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

d) Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý.

đ) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Giáo dục phổ thông trung học;

- Các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo và dạy nghề khác khối tỉnh;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

b) Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ: nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

d) Chi sự nghiệp y tế: chi phòng bệnh; chi chữa bệnh; Bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách tỉnh hỗ trợ theo phân cấp; chi cho cán bộ y tế xã; các hoạt động y tế khác; dân số và kế hoạch hóa gia đình.

đ) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, quản lý các cơ sở văn hóa, thông tin và các hoạt động văn hoá thông tin khác.

e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác.

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh quản lý.

i) Chi hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ lợi, ngư nghiệp: duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, bối, các công trình thuỷ lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư, chi khoanh nuôi bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính, đo vẽ bản đồ, đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ lưu trữ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và sự nghiệp thị chính khác do cấp tỉnh quản lý;

- Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch;

- Sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hoạt động của Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, Hội nông dân Việt Nam cấp tỉnh.

l) Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: các trại xã hội, trường phục hồi chức năng, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý và hoạt động xã hội khác.

n) Chi khen thưởng ngân sách tỉnh.

o) Chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh quản lý.

p) Các khoản chi khác do ngân sách cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ khác của địa phương.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển: chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn do huyện, thị xã, thành phố quản lý. Đối với thị xã, thành phố có thêm nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp trên địa bàn.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo và dạy nghề khối tỉnh): mẫu giáo, nhóm trẻ, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cấp huyện quản lý.

b) Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp huyện đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Chi sự nghiệp y tế: hoạt động của Hội chữ thập đỏ, mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo phân cấp của tỉnh.

d) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin.

đ) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

e) Chi sự nghiệp thể dục thể thao.

g) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

h) Chi hoạt động kinh tế.

- Giao thông: duy tu, sửa chữa đường giao thông;

- Nông nghiệp, ngư nghiệp, thuỷ lợi, phòng chống thiên tai;

- Sự nghiệp thị chính: điều hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị, các công trình phúc lợi công cộng và các sự nghiệp thị chính khác;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

i) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện.

k) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp huyện; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam cấp huyện.

l) Chi hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

m) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: trợ cấp đối tượng cứu trợ xã hội, thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện quản lý và hoạt động xã hội khác.

n) Các khoản chi khác do ngân sách cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

o) Chi khen thưởng ngân sách cấp huyện.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển: đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp xã quản lý; chi từ nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.

2. Chi sự nghiệp giáo dục: hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

3. Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp xã đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Chi sự nghiệp y tế: hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Chi công tác xã hội và hoạt động văn hoá, thông tin, phát thanh, thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý.

6. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

7. Chi sự nghiệp kinh tế: sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi công cộng, các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý; riêng đối với thị trấn còn có nhiệm vụ chi sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh, chi khác,… (đối với phường do ngân sách cấp trên chi). Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: khuyến nông, khuyến ngư theo chế độ quy định.

8. Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp xã; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở cấp xã.

9. Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

10. Các khoản chi khác do ngân sách cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

11. Chi khen thưởng.

12. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.